

Số: 54 /2016/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thiết lập, cung cấp, quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05/4/2016;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2011/TT-BTTTT ngày 20/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội;

Căn cứ Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 35/TTr-STTTT ngày 01/11/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thiết lập, cung cấp, quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông/bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT. HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Ban xây dựng Đảng;
- Đài PT&TH, Báo Bình Phước,
- Tạp chí KHTĐ;
- Trung tâm TH-CB;
- LĐVP, phòng: VX, KTTH;
- Lưu, VT, (TD3-16). *ALC*



Huỳnh Thị Hằng

QUY ĐỊNH

Về việc thiết lập, cung cấp, quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 54 /2016/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc thiết lập, cung cấp, quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử (gọi chung là trang thông tin điện tử, viết tắt là TTTĐT) của cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước có thiết lập, cung cấp, quản lý thông tin đối với trang thông tin điện tử, khai thác dữ liệu trên TTTĐT tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trang thông tin điện tử (website): là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.
2. Trang chủ (Home page): Là trang thông tin đầu tiên mà người sử dụng nhìn thấy khi mở TTTĐT theo địa chỉ TTTĐT mà cơ quan, tổ chức đã đăng ký và được cấp.
3. Cơ quan chủ quản TTTĐT: Là các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp TTTĐT đó.
4. Cổng thông tin điện tử: Là điểm truy cập duy nhất của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin
5. Dữ liệu đặc tả (Metadata): Là những thông tin mô tả các đặc tính của dữ liệu như nội dung, định dạng, chất lượng, điều kiện và các đặc tính khác nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tìm kiếm, truy nhập, quản lý và lưu trữ dữ liệu.
6. Địa chỉ Internet (địa chỉ IP): Là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thể hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thể hệ địa chỉ mới tiếp theo.
7. Tên miền là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm ".". Tên miền bao gồm:
 - a) Tên miền dùng các kí tự dựa trên cơ sở bảng mã ASCII, gọi là tên miền mã ASCII;
 - b) Tên miền dùng bảng chữ cái dựa trên cơ sở ngôn ngữ truyền thống của từng quốc gia, gọi là tên miền đa ngữ (IDN).

8. Dịch vụ hành chính công: Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước (hoặc tổ chức, doanh nghiệp được ủy quyền) có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

9. Dịch vụ công trực tuyến: Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của tổ chức, cơ quan, đơn vị được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng. Dịch vụ công trực tuyến gồm 4 mức độ:

a) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1: Là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

b) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, đồng thời cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

c) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, đồng thời cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

d) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: Là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, đồng thời cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

10. Thông tin công cộng: Là thông tin trên mạng của một tổ chức, cá nhân được công khai cho tất cả các đối tượng mà không cần xác định danh tính, địa chỉ cụ thể của các đối tượng đó.

11. Thông tin tổng hợp: Là thông tin được tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin, nhiều loại hình thông tin về một hoặc nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

12. Nguồn tin chính thức: Là những thông tin được đăng, phát trên báo chí Việt Nam hoặc trên các TTTĐT của cơ quan Đảng, Nhà nước theo quy định pháp luật về báo chí, sở hữu trí tuệ.

13. An toàn thông tin: Là sự bảo vệ thông tin và các hệ thống thông tin tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin.

14. An ninh thông tin: Là việc bảo đảm thông tin trên mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bí mật nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Nguyên tắc khi thành lập TTTĐT

1. Thông tin cung cấp trên TTTĐT của cơ quan nhà nước phải đúng với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phục vụ kịp thời trong công tác quản lý của cơ quan và nhu cầu khai thác thông tin của các tổ chức, cá nhân.

2. Thông tin cung cấp trên TTTĐT phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, báo chí, sở hữu trí tuệ và quản lý thông tin trên Internet.

3. Việc đăng tải, trích dẫn, sử dụng lại thông tin trên TTTĐT phải ghi rõ thông tin về tác giả, nguồn của thông tin.

4. Thông tin, dữ liệu lưu trữ, trao đổi trên TTTĐT của cơ quan nhà nước phải sử dụng thống nhất bộ mã ký tự chữ Việt Unicode theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001.

5. Trang TTĐT của các tổ chức, cơ quan, đơn vị áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp công nghệ để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, khai thác thông tin và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

6. Thông báo việc thành lập TTTĐT đến Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Chương II **THIẾT LẬP, CUNG CẤP THÔNG TIN TRÊN** **TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Điều 4. Phân loại TTTĐT

1. Báo điện tử dưới hình thức TTTĐT.

2. TTTĐT tổng hợp: Là TTTĐT của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin tổng hợp trên cơ sở trích dẫn nguyên văn, chính xác nguồn tin chính thức và ghi rõ tên tác giả hoặc tên cơ quan của nguồn tin chính thức, thời gian đã đăng, phát thông tin đó.

3. TTTĐT nội bộ: Là TTTĐT của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp thông tin về chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề và thông tin khác phục vụ cho hoạt động của chính cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó và không cung cấp thông tin tổng hợp.

4. TTTĐT cá nhân: Là TTTĐT do cá nhân thiết lập hoặc thiết lập thông qua việc sử dụng dịch vụ mạng xã hội để cung cấp, trao đổi thông tin của chính cá nhân đó, không đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân khác và không cung cấp thông tin tổng hợp.

5. TTTĐT ứng dụng chuyên ngành: Là TTTĐT của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh, truyền hình, thương mại, tài chính, ngân hàng, văn hóa, y tế, giáo dục và các lĩnh vực chuyên ngành khác và không cung cấp thông tin tổng hợp.

Điều 5. Thiết lập, sử dụng tên miền

1. Các cơ quan, đơn vị có quyền thiết lập TTTĐT theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm quản lý hoạt động TTTĐT của mình.

2. Tên miền do các cơ quan, đơn vị tự chọn để đăng ký phải đảm bảo không có các cụm từ xâm phạm đến lợi ích quốc gia hoặc không phù hợp với đạo đức xã hội, với thuần phong, mỹ tục của dân tộc; phải thể hiện tính nghiêm túc để tránh sự hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt.

3. Các cơ quan, đơn vị sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” khi thiết lập TTTĐT không cần thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông. Các cơ quan, đơn vị khi thiết lập TTTĐT không sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải thông báo trên môi trường mạng với Bộ Thông tin và Truyền thông những thông tin sau đây:

a) Tên tổ chức ghi trong quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép mở văn phòng đại diện, tên cá nhân;

b) Số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân hoặc số, ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu của cá nhân;

c) Địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc nơi thường trú của cá nhân;

d) Số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử;

đ) Các tên miền đã đăng ký.

4. Các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin quy định tại khoản 2, 3 Điều này, khi thay đổi thông tin thì phải thông báo về sự thay đổi đó.

5. Cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh phải sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo đúng quy định và tuân thủ theo các quy định sau:

a) Đối với UBND tỉnh: là tên miền cấp 3 sử dụng tên đầy đủ của tỉnh bằng tiếng Việt không dấu theo dạng: **tentinhthanh.gov.vn**.

Ví dụ: Tên miền truy cập Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước là tên miền cấp 3, sử dụng tên đầy đủ của tỉnh bằng tiếng Việt không dấu: binhphuoc.gov.vn.

b) Tên miền Internet của TTTĐT các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là tên miền cấp 4 sử dụng tên viết tắt bằng cách ghép các chữ cái đầu của tên cơ quan bằng tiếng Việt viết liền không dấu theo dạng: *Tên đơn vị.binhphuoc.gov.vn*.

Ví dụ: Sở Nội vụ có tên miền truy cập là: sonoivu.binhphuoc.gov.vn

c) Tên miền Internet của TTTĐT UBND các huyện, thị xã là tên miền cấp 4 sử dụng tên đầy đủ của địa phương bằng tiếng Việt không dấu và viết liền không có khoảng trắng theo dạng: *tên huyện, thị xã.binhphuoc.gov.vn*.

Ví dụ: UBND thị xã Bình Long có tên miền truy cập là: binhlong.binhphuoc.gov.vn

d) Việc sử dụng tên miền Internet cấp 4 dưới “binhphuoc.gov.vn” của các tổ chức, cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước được cấp bởi cơ quan chuyên trách do UBND tỉnh ủy quyền là Văn phòng UBND tỉnh.

đ) Tên miền tiếng Việt bao gồm tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính, tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng và tên miền tiếng Việt cấp 3 dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 phân theo địa giới hành chính.

e) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền tiếng Việt được đặt theo tên các tỉnh và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào;

g) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng là tên miền tiếng Việt dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng;

h) Tên miền tiếng Việt cấp 3 là tên miền tiếng Việt dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

i) Đối với cơ quan, tổ chức chính trị xã hội: Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực là tên miền không dấu được đặt theo tên các lĩnh vực hoạt động trong đời sống xã hội và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, bao gồm:

- GOV.VN dành cho các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;
- EDU.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
- ORG.VN dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội;

6. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm bổ sung, thay đổi tên miền truy cập theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 6. Giao diện, bố cục của TTTĐT

1. Giao diện phải đảm bảo thuận tiện cho người sử dụng: Các vùng thông tin được phân biệt rõ ràng.

2. Mục thông tin chủ yếu được phải được bố trí ngay trên trang chủ và ở vị trí thuận tiện cho người sử dụng để nhận thấy.

3. Bố cục sắp xếp thông tin trên trang chủ của TTTĐT:

Bố cục trang chủ trên màn hình bao gồm 5 phần: Phần đầu trang ở phía trên cùng, phần thông tin bên trái, phần thông tin bên phải, phần thông tin chính ở giữa và phần chân trang.

a) Phần đầu trang: Chứa đầu đề giới thiệu (*Banner*) và danh mục chức năng (*Menu*) ngang:

- Đầu đề giới thiệu là phần trên cùng của trang chủ với các thông tin cơ bản: Biểu trưng của cơ quan hoặc hình Quốc huy và tên đầy đủ của cơ quan bằng tiếng Việt với kiểu chữ chân phương. Nội dung banner được giữ nguyên không đổi khi người sử dụng khai thác TTTĐT, công thông tin điện tử;

- Dưới banner là menu ngang thể hiện các chức năng như: Trở về trang chủ, chuyên mục nổi bật, sơ đồ TTTĐT, thông tin liên hệ, chuyển đổi ngôn ngữ và các chức năng khác.

b) Phần thông tin bên trái: Hiện thị liên kết đến các mục tin chính như: Giới thiệu về cơ quan, tin tức và sự kiện, dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận ý kiến góp ý, tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, tìm kiếm, liên kết TTTĐT, thông tin thông kê truy cập vào TTTĐT và các mục tin khác.

c) Phần thông tin bên phải: Hiện thị liên kết tới các chuyên mục như: Thông tin mới nhận, sự kiện nổi bật, thông báo, chuyên mục riêng của cơ quan, giới thiệu quảng cáo và các chuyên mục khác.

d) Phần thông tin chính: Nằm chính giữa trang thông tin, hiển thị các đầu mục tin bài chính, tin bài được lựa chọn hay thông tin của mục tin, chức năng được

người dùng chọn. Có dòng hiển thị đường dẫn từ mục ngoài đến mục hiện tại để người xem biết đang xem ở mục nào.

đ) Phần chân trang: Hiển thị các thông tin về bản quyền và thông tin của cơ quan nhà nước có TTTĐT. Thông tin cơ bản cần thể hiện đủ là: Tên đơn vị, người chịu trách nhiệm, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử của đơn vị.

Điều 7. Chuyên mục, thông tin chủ yếu cung cấp lên TTTĐT

1. Trang TTĐT của các cơ quan nhà nước phải có những mục thông tin chủ yếu sau:

a) Thông tin giới thiệu:

- Đối với UBND tỉnh và UBND cấp huyện phải có tối thiểu thông tin về tổ chức bộ máy hành chính, bản đồ địa giới hành chính đến cấp phường, xã, điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hóa, di tích, danh thắng; tiêu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan.

- Tin tức, sự kiện: các tin, bài về hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan.

b) UBND tỉnh, UBND cấp huyện cung cấp thông tin về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bao gồm tối thiểu các lĩnh vực:

- Chính sách ưu đãi, cơ hội đầu tư, các dự án mời gọi vốn đầu tư;
- Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quy hoạch, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên;
- Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải; danh sách, thông tin về các nguồn thải, các loại chất thải có nguy cơ gây hại tới sức khỏe con người và môi trường; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

c) Công thông tin điện tử của UBND tỉnh phải đăng tải Công báo điện tử bao gồm những thông tin: số công báo, ngày ban hành, danh mục văn bản đăng trong công báo và trích yếu nội dung đối với mỗi văn bản.

d) Thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại/fax, địa chỉ thư điện tử chính thức.

đ) Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế, cơ quan chủ quản có quyền cung cấp các mục thông tin khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

e) Thông tin giới thiệu về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc:

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức;
- Chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Tóm lược quá trình hình thành và phát triển;
- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức, nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo trong đơn vị;
- Thông tin giao dịch: địa chỉ, điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức để giao dịch và tiếp nhận các thông tin.

g) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về.

h) Thông tin về thủ tục hành chính:

- Thông báo danh mục các dịch vụ hành chính công và các dịch vụ công trực tuyến đang thực hiện;

- Nêu rõ quy trình, thủ tục, hồ sơ, nơi tiếp nhận, tên và thông tin giao dịch của người trực tiếp xử lý hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí và lệ phí (nếu có);

- Đối với dịch vụ công trực tuyến: nêu rõ mức độ của dịch vụ công trực tuyến.

i) Danh mục địa chỉ thư điện tử chính thức của từng đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức có thẩm quyền cần nêu rõ: họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức.

k) Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công:

- Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, các dự án đang triển khai, các dự án đã hoàn tất;

- Mỗi dự án cần có tối thiểu các thông tin: Tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.

l) Mục lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân:

- Danh sách các vấn đề xin ý kiến (văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương chính sách, ...);

- Mỗi vấn đề xin ý kiến cần cung cấp các thông tin và chức năng: Thời hạn tiếp nhận ý kiến; toàn văn nội dung vấn đề xin ý kiến; xem nội dung các ý kiến góp ý; nhận ý kiến góp ý mới.

m) Cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với tổ chức, cá nhân.

n) Các cơ quan nhà nước trong phạm vi thẩm quyền chủ động đăng tải các thông tin chỉ đạo, điều hành bao gồm: ý kiến chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với cá nhân, tập thể, doanh nghiệp; thông tin thống kê chuyên ngành.

2. Thông tin phục vụ tìm kiếm và thông tin tiếng nước ngoài:

- Thông tin phục vụ tìm kiếm và tra cứu

+ Đối với trang thông tin phải có các thông tin tối thiểu bao gồm: Tiêu đề trang (*Page title*), các từ khóa và các mô tả để phục vụ công tác tìm kiếm.

+ Đối với mỗi tin bài phải có tối thiểu thông tin về tác giả, nguồn thông tin, thời gian cập nhật.

- Thông tin tiếng nước ngoài: Các cơ quan nhà nước chủ động cung cấp thông tin giới thiệu về lịch sử, địa lý, văn hóa, con người, tiềm năng kinh tế, du lịch,... bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác. Đối với các dịch vụ công trực tuyến mà người nước ngoài có thể sử dụng phải được cung cấp bổ sung bằng tiếng Anh để tham khảo.

Điều 8. Thời hạn cung cấp, xử lý và lưu trữ thông tin

1. Thời hạn cung cấp và xử lý thông tin

a) Bảo đảm cập nhật thường xuyên, chính xác đối với các mục tin theo quy định.

b) Đối với thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách: Thời gian cập nhật không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi văn bản pháp luật, chính sách, chế độ chính thức được ban hành.

c) Đối với văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý nhà nước:

- Thời gian cập nhật không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành đối với cơ quan ban hành văn bản.

- Thời gian cập nhật không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ban hành đối với các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản.

d) Đối với những thông tin chiến lược, quy hoạch hoặc dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu được phê duyệt: Thời gian cập nhật không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi được phê duyệt.

đ) Đối với mục Trao đổi - Hỏi đáp:

- Ban biên tập có trách nhiệm tiếp nhận câu hỏi, phân loại câu hỏi và chuyển đến các đơn vị liên quan để trả lời. Trường hợp câu hỏi không liên quan đến phạm vi, lĩnh vực hoạt động của cơ quan thì phải thông báo ngay cho tổ chức, cá nhân;

- Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận câu hỏi, cơ quan nhà nước có trách nhiệm trả lời kết quả hoặc thông báo quá trình xử lý trong đó nói rõ thời hạn trả lời tới tổ chức, cá nhân. Đối với những vấn đề có liên quan chung thì phải đăng câu trả lời lên cổng thông tin điện tử.

e) Đối với các mục thông tin tiếng nước ngoài: Phải được thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời khi có phát sinh hoặc thay đổi.

2. Lưu trữ thông tin: Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bảo đảm việc lưu trữ thông tin của TTTĐT theo quy định của Nhà nước về lưu trữ.

Điều 9. Cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến

1. Chuyên mục dịch vụ hành chính công được đưa ra trong các TTTĐT để phục vụ việc cung cấp quy trình, hướng dẫn các thủ tục, cung cấp các văn bản liên quan, các mẫu biểu điện tử..., giải đáp thông tin liên quan đến các dịch vụ hành chính công do mỗi cơ quan quản lý thông qua mạng Internet.

2. Các dịch vụ được tổ chức, phân loại theo ngành, lĩnh vực để thuận tiện cho việc khai thác sử dụng. Tùy theo từng dịch vụ hành chính công sẽ tổ chức Dịch vụ trực tuyến phù hợp mức độ 1, 2, 3, 4.

3. Với mỗi dịch vụ hành chính công trực tuyến, sẽ cung cấp các thông tin sau: Tên dịch vụ; địa chỉ đăng tải dịch vụ (<http://...>); mô tả tóm tắt dịch vụ; thời điểm dịch vụ được đưa vào sử dụng: Ngày...tháng...năm ...; đơn vị cung cấp dịch vụ (của chính đơn vị/ tích hợp từ các đơn vị trực thuộc); mức độ của dịch vụ hành chính công trực tuyến; số lượng biểu mẫu mà dịch vụ yêu cầu (tên/mã biểu mẫu; công dụng của biểu mẫu; tên dịch vụ công trực tuyến có liên quan; địa chỉ đăng tải biểu mẫu: <http://...>)

4. Khuyến nghị cung cấp chức năng theo dõi tần suất sử dụng và kết quả xử lý của mỗi dịch vụ hành chính công trực tuyến.

Điều 10. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1. Thủ tục hành chính đơn giản, rõ ràng, đúng pháp luật.

2. Công khai, minh bạch hóa thông tin, các loại phí, lệ phí và thời gian giải quyết.

3. Nhận hồ sơ và thông báo kết quả thông qua TTTĐT của tỉnh (TTTĐT của tỉnh phải được liên kết, tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến với các TTTĐT của các cơ quan chuyên môn trực thuộc và các huyện, thị xã).

4. Các cơ quan hành chính nhà nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp giải quyết các yêu cầu về cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến nhanh chóng, chính xác, thuận tiện, tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí cho các tổ chức, công dân, không gây phiền hà, ách tắc trong quá trình giải quyết.

5. Quy trình thực hiện bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn, bí mật và đảm bảo tính pháp lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến

1. Các cơ quan chủ quản sử dụng những kết quả đã đạt được trong việc chuẩn hóa thủ tục hành chính theo tiêu chuẩn để cung cấp dịch vụ hành chính công trên TTTĐT.

2. Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên TTTĐT đạt mục tiêu theo Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước năm 2015 và định hướng đến năm 2020; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ triển khai thực hiện theo định kỳ.

Chương III QUẢN LÝ THÔNG TIN

Điều 12. Nội dung thông tin

1. Nội dung thông tin (bài viết, ảnh, dữ liệu, tài liệu) cung cấp lên TTTĐT cần phải đảm bảo tính chính xác, có nguồn gốc rõ ràng, không được phép sao chép hay sử dụng bài viết của người khác. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung thông tin của mình cung cấp lên trang TTĐT về nội dung, bản quyền của thông tin. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về chế độ bảo mật thông tin đúng quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị thành lập TTTĐT có trách nhiệm thành lập Ban Biên tập, quy chế hoạt động của Ban biên tập ngay sau khi thành lập TTTĐT của đơn vị, đăng tải Quyết định và Quy chế hoạt động của Ban biên tập lên TTTĐT (gửi Quyết định thành lập Ban biên tập và Quy chế hoạt động TTTĐT về Sở Thông tin và Truyền thông sau khi ban hành).

Điều 13. Cấp phép hoạt động các TTTĐT

Được quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

1. TTTĐT không cấp phép và phải cấp phép

a) Các TTTĐT không cấp phép: TTTĐT nội bộ; TTTĐT cá nhân; TTTĐT ứng dụng chuyên ngành (được quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 4 Quy định này).

b) Các TTTĐT phải cấp phép: TTTĐT tổng hợp (được quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này).

- Các TTTĐT nội bộ, TTTĐT ứng dụng chuyên ngành khi cung cấp thông tin tổng hợp thì phải đề nghị cấp phép như đối TTTĐT tổng hợp.

- TTTĐT tổng hợp của cơ quan báo chí: Cấp phép như đối với TTTĐT tổng hợp.

2. Cấp phép hoạt động TTTĐT tổng hợp.

a) Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện cấp phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép TTTĐT tổng hợp tại địa phương theo quy định tại khoản 6, 8, 9 Điều 23 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội, có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép.

b) Thủ tục cấp phép, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép TTTĐT tổng hợp thực hiện theo Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

3. Chế độ báo cáo của TTTĐT tổng hợp

Được quy định tại Điều 9 Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 29/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

Tổ chức, đơn vị thiết lập TTTĐT tổng hợp gửi báo cáo qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo địa chỉ sau:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử số 17 phố Trần Quốc Toản, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội);

- Sở Thông tin và Truyền thông (QL14, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng một lần với Bộ Thông tin và Truyền thông (trước ngày 31/7 và trước ngày 31/01 hàng năm) về hoạt động quản lý nhà nước về thông tin điện tử trên Internet tại địa phương.

Điều 14. Đảm bảo kinh phí và nhuận bút

1. Cơ quan, đơn vị đảm bảo kinh phí tạo lập và cập nhật thông tin thường xuyên; duy trì, bảo dưỡng hàng năm cho TTTĐT.

2. Kinh phí duy trì hoạt động và phát triển TTTĐT của các tổ chức, cơ quan, đơn vị do ngân sách nhà nước cấp, được dự toán chung trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan.

3. Cơ quan chủ quản được sử dụng các nguồn hỗ trợ từ các dự án, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để bổ sung vào kinh phí duy trì hoạt động và phát triển của TTTĐT.

4. Chế độ nhuận bút, thù lao được thực hiện theo Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 /3/2016 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản.

Điều 15. Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Thanh tra, kiểm tra: Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Quy định này đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương.

2. Xử lý vi phạm: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung của quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại đến hệ thống TTTĐT thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân, tổ chức thực hiện tốt Quy định này; có nhiều đóng góp cho hoạt động, phát triển đối với TTTĐT của các cơ quan nhà nước tỉnh thì tùy theo thành tích cụ thể được khen thưởng theo quy định của nhà nước.

4. Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên theo dõi, rà soát đánh giá tình hình hoạt động TTTĐT của các đơn vị, theo đó phát hiện, xử lý kịp thời các TTTĐT sai phạm và có hình thức xử lý phù hợp theo quy định tại Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản. Hằng năm tổng hợp danh sách các đơn vị hoạt động hiệu quả và các đơn vị hoạt động chưa đúng theo quy định báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định khen thưởng, phê bình.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp phép cung cấp thông tin trên Internet, thiết lập trang tin điện tử trên Internet của các tổ chức, cơ quan, đơn vị địa phương.

b) Tiến hành rà soát, bổ sung, thay đổi tên miền truy cập TTTĐT của các tổ chức, cơ quan, đơn vị theo quy định nhằm đảm bảo thuận tiện trong việc truy cập thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên TTTĐT.

c) Định kỳ hàng năm phối hợp với các đơn vị báo cáo UBND tỉnh về công tác rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của các TTTĐT theo các quy định.

2. Sở Nội vụ:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh quy định về biên chế, chế độ, chính sách đối với những người chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm nhiệm vụ thiết lập, quản lý, cung cấp thông tin đối với TTTĐT của cơ quan, đơn vị.

b) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông trình UBND tỉnh khen thưởng các đơn vị có hoạt động TTTĐT hiệu quả.

3. Sở Tài chính: Cân đối ngân sách địa phương để đảm bảo kinh phí hoạt động, duy trì và phát triển TTTĐT của các cơ quan nhà nước.

4. Các cơ quan, đơn vị nhà nước hoạt động TTTĐT trên địa bàn tỉnh

Thường xuyên theo dõi, rà soát thông tin trên TTTĐT của đơn vị mình, đảm bảo thời gian, tần suất cập nhật thông tin lên TTTĐT được liên tục; đảm bảo nhân lực, có chế độ xác thực và mã hóa dữ liệu, đối với thông tin tối thiểu và thông tin tiếng nước ngoài cần thường xuyên rà soát và cập nhật kịp thời khi có phát sinh hoặc thay đổi, định kỳ sao lưu dữ liệu tối thiểu 1 lần/1 tuần; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động liên tục, đầu tư xây dựng TTTĐT đồng bộ với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị hoạt động TTTĐT và phát triển Chính phủ điện tử.

Hàng quý có đánh giá, báo cáo gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp đúng thời gian quy định (báo cáo 6 tháng trước 20/6, báo cáo năm trước 15/11 hàng năm).

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi hoạt động của các TTTĐT, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi quản lý của mình.

3. Các TTTĐT, TTTĐT tổng hợp đã được cấp giấy phép theo quy định tại Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet và Thông tư số 14/2010/TT-BTTTT ngày 29/6/2010 được tiếp tục hoạt động cho đến khi Giấy phép hết hiệu lực và tiến hành thủ tục đề nghị cấp giấy phép (cấp mới) theo Quy định này.

4. Đối với các quy định khác liên quan đến việc thiết lập, cung cấp, quản lý thông tin đối với TTTĐT của cơ quan nhà nước không có trong Quy định này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

